TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-4-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Nghĩa;

2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tuấn Hoàng Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; Cư trú tại: tổ I, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1987; Cư trú tại: tổ A, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh K chung sống vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào năm 2013. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm, anh K không lo làm ăn và chăm lo cho gia đình. Chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị và anh K chung sống có 02 con chung là: Phạm Tấn Đ, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Phạm Yến N, sinh ngày 18/11/2014. Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20 tháng 3 năm 2025 bị đơn anh Phạm Văn K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân do vào năm 2019 anh bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nên chị H làm đơn ly hôn. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về con chung. Anh và chị H có 02 con chung là: Cháu Phạm Tấn Đ, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Phạm Yến N, sinh ngày 18/11/2014. Anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên toà sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Phạm Văn K vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn K;

Về con chung: Giao chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu: Phạm Tấn Đ, sinh ngày 14/8/2011 và Phạm Yến N, sinh ngày 18/11/2014. Ghi nhận chị Trần Thị H không yêu cầu anh Phạm Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Chị Trần Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

+ Về kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 24/10/2024, chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ngày 20/3/2025, anh Phạm Văn K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị H và anh Phạm Văn K.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn K tự nguyện chung sống vợ, chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H yêu cầu ly hôn, anh K cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh K có 02 con chung là: Cháu Phạm Tấn Đ, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Phạm Yến N, sinh ngày 18/11/2014. Chị H yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu: Phạm Tấn Đ, sinh ngày 14/8/2011 và Phạm Yến N. Xét yêu cầu của chị H là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ và cháu N và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn K không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn K.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu: Cháu Phạm Tấn Đ, sinh ngày 14/8/2011 và cháu Phạm Yến N, sinh ngày 18/11/2014. Ghi nhận chị Trần Thị H không yêu cầu anh Phạm Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Trần Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Phạm Văn K không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn K không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005169 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã Hòa Hiệp; Huyện Tân Biên
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (N^{o}).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương